

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NG TỈNH K
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày 05/01/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy; Ông Nguyễn Đức Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Quang– Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa:
Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-DS ngày 05/10/2022; về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST-DS ngày 19/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ng Việt Nam; Địa chỉ trụ sở chính: 198 đường Tr, phường L, quận H, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật; Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền; Ông Lê Tấn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ng Việt Nam - Chi nhánh K; Địa chỉ trụ sở: Số 01, đường Phan Đình Phùng, phường Qu, thành phố K, tỉnh K. Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Đặng Trần Thiện Viễn Ph – Trưởng phòng giao dịch huyện Ng; Địa chỉ: Số 957 H, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K.(có mặt)

Đồng bị đơn: Bà Phạm Thị H; Sinh năm: 1984 và ông Nguyễn Văn Tr; Sinh năm: 1983; Cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K.(vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Qu; địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Ng, ông Đặng Trần Thiện Viễn Ph trình bày:

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa ngân hàng thương mại cổ phần Ng ký với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT,NH, số tiền giải ngân cho vay: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay: Kinh tế phụ gia đình; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn. Mức lãi suất cho vay là 8,9%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi trả hàng quý, gốc trả cuối kỳ (11 tháng/kỳ).

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CD 731385 ngày 10/11/2016 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp mang tên bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 08/03/NHNT ngày 08/3/2017.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không thanh toán đầy đủ và thực hiện các cam kết tại hợp đồng tín dụng, vi phạm trả gốc và lãi khi đến hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp tại nhà, gửi thông báo, đơn đốc, nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ và bất hợp tác với Ngân hàng.

Vì vậy, ngân hàng TMCP Ngoại thương yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05 - 01-2022 là: 292.216.438 đồng, trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 34.286.986đ , lãi quá hạn 7.929.452 đồng và lãi suất tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Nếu đến ngày án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không trả thì nguyên đơn sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ buộc bị đơn tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Đồng bị đơn là bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr : Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không có mặt tại nơi cư trú, nhưng biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thông qua việc bố đẻ là ông Phạm Văn Qu đã điện thoại trực tiếp báo tin cho bà

Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr với nội dung Ngân hàng khởi kiện đòi nợ tại Tòa án huyện Ng, bà H và ông Tr có về Ng để trả khoản nợ tín dụng khác nên cũng biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mà ông bà là bị đơn, nhưng bà H và ông Tr vẫn không về địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhưng bà H và ông Tr vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Qu trình bày: Tôi là người quản lý lô đất này cho hai con tôi, hiện nay Ngân hàng khởi kiện nhưng con tôi không về được vì nhiều lý do, các con là H và Tr có về Ng để trả khoản nợ tín dụng khác nên cũng biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Đồng bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đánh giá: Hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT,NH ngày 11/11/2020 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 08/03/NHNT ngày 08/3/2017 có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn chưa hoàn tất việc thanh toán tiền theo Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 320, 321, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo Án lệ số [08/2016/AL](#). Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động dân sự, vì vậy Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của đồng bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng bị đơn không tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Như vậy đồng bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đồng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT,NH, số tiền giải ngân cho vay: 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, đồng bị đơn bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/03/NHNT ngày 08/3/2017 với Ngân hàng TMCP Ng, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CD 731385 ngày 10/11/2016 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr, vị trí tại thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản: Về hình thức của các hợp đồng: Các chủ thể tham gia ký kết đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015, được lập bằng văn bản, Hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực tại văn phòng công chứng Việt Hoàng và đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Ng. Mục đích và nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 117 và Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy Hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT.NH ngày 11/11/2020 và hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 08/03/NHNT ngày 08/3/2017 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay đúng, đủ số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*). Sau khi nhận tiền giải ngân đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi theo hợp đồng. Vi phạm nghĩa vụ trả lãi vào ngày 14/7/2021.

Từ những vi phạm trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận; Buộc bị đơn phải trả đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số

670/20/CT/NHNT.NH ngày 11/11/2020, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 05/01/2023 với tổng số tiền là: 292.216.438 đồng, trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 34.286.986đ , lãi quá hạn 7.929.452 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ, theo khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 463, các khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo Án lệ số [08/2016/AL](#) được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số tiền lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác, tài sản bảo đảm được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp tài sản số 08/03/NHNT ngày 08/3/2017 là thửa đất số 77, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CD 731385 ngày 10/11/2016 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr, địa chỉ đất tại thôn I, xã P, huyện Ng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy diện tích đất rầy đúng với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp, không liên quan đến bên thứ ba, đảm bảo điều kiện pháp lý để xử lý.

Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra thời hạn để xử lý tài sản bảo đảm khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không hoàn tất việc thanh toán tiền và nếu tài sản bảo

đảm xử lý không đủ thì bị đơn phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn đã được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp tài sản. Nội dung thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả được nợ đến hạn; các Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không trả đủ tiền gốc và lãi được xác định trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý dư tiền sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr .

[5] Về án phí và các khoản chi phí khác:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 14.610.000đ (*mười bốn triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*). Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã ứng tiền để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000đ (*ba triệu, năm trăm nghìn đồng*). Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi 10%/năm/ số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, 119, Điều 463, khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án;

Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT.NH ngày 11/11/2020, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/01/2023), với tổng số tiền là: 292.216.438 đ (hai trăm chín hai triệu, hai trăm mười sáu nghìn, bốn trăm năm hai đồng), trong đó: Nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 34.286.986đ , lãi quá hạn 7.929.452 đồng và lãi suất tiếp tục phát sinh. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 130% lãi trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (*mức lãi suất trong hạn của hợp đồng tín dụng số 670/20/CT/NHNT.NH ngày 11/11/2020 đang áp dụng 8,9%/năm*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Và sẽ được điều chỉnh tiếp theo (nếu có) cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP Ng Việt nam số tiền nợ gốc, lãi và các chi phí xác định trên thì Ngân hàng Ng Việt nam trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CD 731385 ngày 10/11/2016 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp mang tên Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr ; Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Thôn I, xã P Y, huyện Ng, tỉnh K. Trường hợp bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr không trả các khoản tiền nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án tài sản thế chấp trên. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Ng Việt nam. Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000đ, buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải trả cho Ngân hàng TMCP Ng Việt nam số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr chậm trả số tiền này thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 14.610.000đ (*mười bốn triệu, sáu trăm mười nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP Ng Việt nam được nhận lại 6.918.000đ (*sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000873 ngày 04- 7- 2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/01/2023). Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở ủy ban nhân dân xã P, huyện Ng, tỉnh K.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Oanh